

TRỤC 2 ĐẦU BẬC

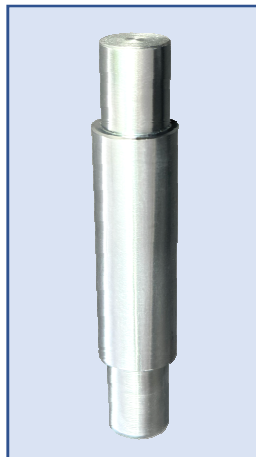
BOTH ENDS STEPPED SHAFT



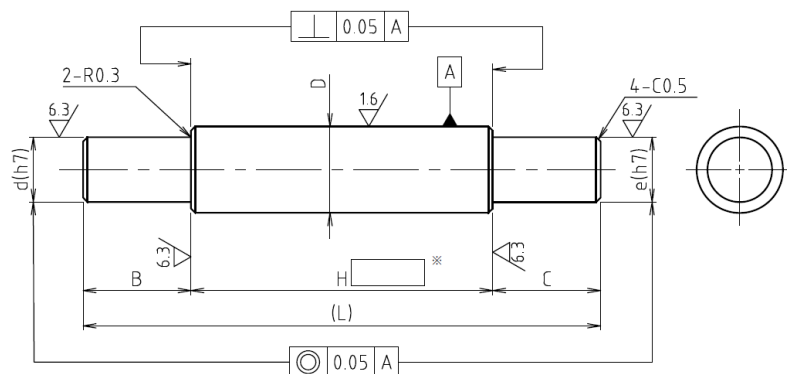
Mã đặt hàng/Order

Mã Loại Type code	- D	- H	- d	- B	- e	- C	-
							A
							B
							C

EX: TSPS - D25 - H300 - d20 - B30 - e20 - C30 - A



Thông số kích thước có thể tùy chỉnh
Dimensions can be customized



Loại Type	Vật liệu Materials	Độ cứng Hardness	Xử lý bề mặt Surface Treatment
TSPS	T.Đương SUJ2 SUJ2 Equiv.	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr Hard Chrome Plating
CTSPS	S45C		
STSPS	SUS304		

Loại Type	Đường kính Diameter				H (Gia số 1mm) (1mm Increment)	B,C	d,e
	Dung sai Tolerance	g6		h7			
		SUJ2	S45C	SUS304			
TSPS CTSPS STSPS	10	○	○	○	25-800	2 ≤ B ≤ d×4 2 ≤ C ≤ e×4	6 – 8
	12	○	○	○	25-1000		6 – 10
	13		○				6 – 11
	15			○			6 – 13
	16	○	○		25-1500		6 – 14
	20	○	○	○			8 – 17
	25	○	○	○			8 – 22
	30	○	○				9 – 27

Các kích thước không đề cập dung sai vui lòng tra dung sai tiêu chuẩn ở bảng 2 trang 1.

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.



GIAO HÀNG NHANH CHÓNG
DELIVERY AS SOON AS POSSIBLE



DUNG SAI TÙY CHỈNH
REQUIRED TOLERANCE

Kích thước tùy chỉnh H Customized length H	Dung sai yêu cầu	Dung sai Tolerance	Áp dụng cho H Apply to H
	A	± 0.03	$H \leq 600$
	B	± 0.05	$H \leq 800$
	C	± 0.1	$H \leq 1000$

✂ Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)